TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ MỚI** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/DS-ST
Ngày 28-5-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thanh Liêm;

bà Trần Thị Kim Thoa.

- Thư ký phiên tòa: ông Quách Thuận An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thụy Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 288/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 230/2024/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị Quốc T, sinh năm 1984; nơi cư trú: số 149, tổ 04, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:*

Ông Lê Ái Q, sinh năm 1965; nơi cư trú: số 329, tổ 05, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1971; nơi cư trú: số 329, tổ 05, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1965; nơi cư trú: số 149, tổ 04, ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quốc T trình bày, ông Q và bà H có nhiều lần

mua thuốc trừ sâu cho lúa. Đến ngày 29/8/2018, ông Q, bà H kết sổ còn nợ 54.210.000 đồng, hứa hẹn đến vụ ba năm 2019 trả dứt nợ nhưng đến nay chưa thực hiện. Vì vậy, bà T yêu cầu ông Q, bà H có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền còn nợ 54.210.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ năm 2019 đến khi xét xử.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn Ông Lê Ái Q, Bà Nguyễn Thị Lệ H trình bày, ông Q thừa nhận có nhiều lần mua thuốc trừ sâu do bà O đứng bán, giao hàng. Việc mua bán chỉ thực hiện thông qua hình thức lấy hàng trước rồi thanh toán sau ngày thu hoạch. Ông Q xác định số tiền 54.210.000 đồng mà bà T kiện đòi là nợ tiền mua thuốc vật tư nông nghiệp nhưng đã trả nợ xong, không làm giấy tờ thể hiện. Ông Q mua thuốc trừ sâu về trồng lúa, phục vụ sản xuất gia đình. Ông Q không thừa nhận chữ ký, chữ viết của ông Q trong phiếu giao hàng ngày 29/8/2018 do bà T giao nộp cho Tòa án. Vì vậy, ông Q, bà H không chấp nhận yêu cầu của bà T.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Nguyễn Thị Kim O trình bày, việc mua bán do bà O phụ trách bán, giao hàng cho ông Q, còn Nguyễn Thị Quốc T là con của bà O làm chủ cửa hàng, bà O chỉ trung gian bán giùm cho bà T nên không dính dáng tiền bạc hay tài sản gì của bà O.

Việc kết sổ cũng do bà O và ông Q đứng ra kết sổ, trong đó, ông Q có nợ tổng cộng 104.210.000 đồng, có trả 50.000.000 đồng, còn lại 54.210.000 đồng. Khi đó, bà O có in phiếu giao hàng ngày 29/8/2018 đưa cho ông Q ký tên, ghi họ tên. Chính ông Q ghi "vụ ba năm 2019 trả hết không tính lãi" nhưng không có thực hiện đầy đủ. Vì vậy, bà O không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa:

Ý kiến của bà T: giữ nguyên yêu cầu ông Q, bà H trả lại vốn gốc số tiền 54.210.000 đồng, yêu cầu trả lãi. Tuy nhiên, thay đổi thời gian yêu cầu trả lãi, xác định thời điểm trả lãi từ ngày nộp đơn khởi kiện 24/5/2023 đến khi xét xử. Theo bà T xác định "vụ ba Năm 2019" được bắt đầu từ tháng 8/2018 cho đến khoảng tháng 01/2019 kết thúc.

Ý kiến của ông Q: ông Q thừa nhận còn nợ tiền mua phân, thuốc trừ sâu của bà T là 54.210.000 đồng, chấp nhận trả lãi theo yêu cầu của bà T. Theo ông Q xác định thời điểm "vụ ba Năm 2019" kết thúc vào tháng 7 năm 2019.

Ý kiến của bà O: xác định ông Q còn nợ 54.210.000 đồng của bà T, cá nhân bà O chỉ bán hàng, kết sổ và giao hàng cho ông Q.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 195, 196, 197, 198 và Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, bảo đảm các trình tự, thủ tục và quyền tranh tụng tại phiên tòa.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: tại phiên tòa, ông Q có ý kiến thống nhất còn nợ bà T số tiền 54.210.000 đồng và chấp nhận trả lãi cho bà T kể từ ngày 24/5/2023 đến ngày xét xử. Đáng lẽ phải công nhận sự thỏa thuận của đương sự nhưng bà H vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự, chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quốc T, buộc Ông Lê Ái Q, Bà Nguyễn Thị Lệ H trả cho bà T số tiền 54.210.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật kể từ ngày 24/5/2023 đến ngày xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá và nhận định như sau:

[1] Bà T có đơn khởi kiện đối với ông Q, bà H về yêu cầu trả tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền lãi. Ông Q, bà H có nơi cư trú tại ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang. Do đó, quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp "hợp đồng mua bán tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà T, ông Q và bà O có mặt; bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà T thay đổi phần yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu ông Q, bà H trả lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 24/5/2023 đến khi xét xử, việc thay đổi nội dung yêu cầu không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Tòa án chấp nhận thay đổi thời hạn chịu lãi theo quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà T cho rằng *"ông Q, bà H còn nợ số tiền mua vật tư nông nghiệp của bà T là 54.210.000 đồng nên yêu cầu ông Q, bà H thanh toán"*. Đồng thời, ông Q thống nhất còn nợ tiền gốc mua vật tư nông nghiệp theo yêu cầu của bà T. Ngoài ra, ông Q, bà H xác định việc mua vật tư nông nghiệp về phục vụ việc trồng lúa của vợ chồng. Bên cạnh đó, tại văn bản số 1108/CV-UBND ngày 12/12/2023 của Ủy ban nhân dân xã N xác định: "ông Q và bà H là vợ chồng có chứng nhận kết hôn của Ủy ban nhân dân xã N".

[4] Như vậy, Tòa án xác định giữa bà T và ông Q có xác lập giao dịch dân sự về mua bán vật tư nông nghiệp có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng. Ông Q đã nhận hàng về phục vụ sản xuất lúa cho vợ chồng nhưng ông Q, bà H thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với bà T. Do đó, bà T yêu cầu ông Q, bà H cùng trả tiền nợ gốc mua vật tư nông nghiệp 54.210.000 đồng là có căn cứ; theo quy định Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà T về yêu

cầu ông Q, bà H có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T số tiền nợ gốc 54.210.000 đồng.

[5] Về lãi chậm trả trên nợ gốc, thời hạn chịu lãi: Theo phiếu giao hàng ngày 29/8/2018 do bà T giao nộp và kết luận giám định số 69/KL-KTHS ngày 15/02/2024 cho thấy, chữ viết *"Vụ Ba Năm – 2019 – Trả Hết Không tín Lải"* do ông Q viết ra nên hai bên đã có thỏa thuận trả lãi chậm trả. Dù vậy ông Q, bà H không thực hiện đúng thỏa thuận thì ông Q, bà H phải có trách nhiệm trả lãi trên nợ gốc chậm trả. Tuy nhiên, hai bên không xác định rõ mức lãi suất thì được tính theo mức lãi suất 10%/năm (0,83%/tháng) theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

[6] Bên cạnh đó, bà T xác định thời điểm "vụ ba Năm 2019" được bắt đầu từ tháng 8/2018 cho đến khoảng tháng 01/2019 kết thúc. Trong khi đó, ông Q xác định thời điểm "vụ ba Năm 2019" kết thúc vào tháng 7 năm 2019. Mặt khác, bà T yêu cầu ông Q, bà H trả lãi kể từ ngày 23/5/2023 đến khi xét xử là ý kiến tự định đoạt của bà T, không vi phạm đều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, cũng như có lợi cho ông Q, bà H về thời hạn chịu lãi.

[7] Như vậy, bà T yêu cầu ông Q, bà H trả lãi trên nợ gốc chậm trả, kể từ ngày 24/5/2023 đến khi xét xử là có căn cứ. Theo quy định Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, Tòa án chấp nhận khởi kiện của bà T về yêu cầu ông Q, bà H trả lãi trên nợ gốc chậm trả như sau: nợ gốc 54.210.000 đồng nhân lãi suất 0,83%/tháng nhân 12 tháng nên tiền lãi phải chịu: 5.399.316 đồng.

[8] Về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm: bà T yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định là có căn cứ, bà T đã thanh toán chi phí giám định nên ông Q, bà H phải trả lại cho bà T chi phí giám định theo quy định Điều 161 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà T nên ông Q, bà H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quốc T đối với bị đơn Ông Lê Ái Q, Bà Nguyễn Thị Lệ H về yêu cầu trả tiền mua vật tư nông nghiệp;

Buộc Ông Lê Ái Q, Bà Nguyễn Thị Lệ H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T tổng số tiền 59.609.316 đồng (trong đó: tiền gốc: 54.210.000 đồng và tiền lãi: 5.399.316 đồng);

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng:

Về án phí sơ thẩm: bà T được nhận lại tạm ứng án phí 1.355.000 đồng đã nộp theo biên lai số: 0014161 ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Ông Q, bà H cùng phải chịu án phí 2.980.466 đồng.

Về chi phí tố tụng: bà T đã thanh toán 1.800.000 đồng theo phiếu thanh toán bồi dưỡng giám định ngày 15 tháng 02 năm 2024 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang. Ông Q, bà H phải trả lại cho bà T chi phí giám định 1.800.000 đồng.

3. Bà T, ông Q và bà O có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày tuyên án. Bà H vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tâm Nhân